

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **237/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 18/4/2023.

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Xuân Đào.

2. Bà Phạm Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 747/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/4/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thùy N**, sinh năm: 1986;

Địa chỉ thường trú: Số 63/6 Đường CVA, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 283/29/2A đường BS, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: **Anh Vũ Đức T**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Số 63/6 Đường CVA, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Nguyễn Thị Thùy N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Anh Vũ Đức T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2022; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày:*

Chị và anh Vũ Đức T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 01, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh(theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/08, ngày 11/4/2008).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng, nhưng về chi phí sinh hoạt và ăn uống thì vợ chồng chị tự lo, có phụ giúp cha mẹ chồng tiền điện nước hàng tháng. Anh T đi làm thợ điện được khoảng 3-4 tháng thì nghỉ việc về nhà làm lao động tự do, thu nhập hàng tháng của anh T bao nhiêu chị không biết, hàng tháng anh T cũng không đưa cho chị quản lý và chi tiêu chung. Năm 2014, chị mang thai và sinh con đều phải tự chăm sóc và lo các khoản tiền chi phí hàng tháng, cho đến khi con học mẫu giáo thì anh T có đưa cho chị khoảng 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng/tháng.

Do anh T suốt ngày ham vui, tụ tập bạn bè ăn nhậu, không quan tâm đến vợ con nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt và phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh T sửa đổi để xây dựng cuộc sống gia đình nhưng anh T không thay đổi. Do đó, tháng 4 năm 2020 chị đã quyết định cùng với con dọn ra sống riêng đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Đức T.

- Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung tên là Vũ Đức Th, sinh ngày 10/01/2014. Chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn là anh Vũ Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, không có đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn là anh Vũ Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung:

Theo lời khai của nguyên đơn, vợ chồng đương sự xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, đã ly thân từ 4/2020, lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh của Hội Liên hiệp Phụ nữ Phường 1 theo công văn số 01 CV/HPN (BL 35) “Hiện nay anh T và chị N đã ly thân”. Chị N trình bày từ đó cho đến nay anh T không hề qua lại thăm hỏi vợ con. Theo kết quả xác minh cho thấy anh T thường trú và hiện nay đang thực tế cư trú tại 63/6 đường CVA, Phường A, Quận F, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh T luôn vắng mặt trong tất cả các phiên họp, không trình bày nguyện vọng muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng đương sự hiện nay không còn, tình cảm không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Nhiên là có cơ sở chấp nhận theo Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung là trẻ Vũ Đức Th, sinh ngày 10/01/2014. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp lời khai cho Tòa án thể hiện mong muốn và thiện chí muốn nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Hiện nay, trẻ Th đang ở với mẹ, do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng và bé cũng trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Do đó, nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của chị N là chính đáng, có cơ sở theo quy định tại Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Bởi các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn với anh Vũ Đức T.

- Về con chung: Giao trẻ Vũ Đức Th sinh ngày 10/01/2014 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi bé trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.] Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là anh Vũ Đức T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Vũ Đức T là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Vũ Đức T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thùy N trình bày nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh T không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ, con. Mọi chi phí trong gia đình đều do chị gánh vác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ anh T để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả. Do đó, vợ chồng chị Nhiên, anh T đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay.

Xét thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập bị đơn là anh Vũ Đức T nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng chị N, anh T tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nên Tòa án không hòa giải được. Tại các phiên tòa sơ thẩm, anh Thanh đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh Vũ Đức T không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với với chị Nguyễn Thị Thùy N.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Vũ Đức T có 01 con chung tên là Vũ Đức Th, sinh ngày 10/01/2014. Chị Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên. Chị N tự thỏa thuận với anh T về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo chị N trình bày, chị là người trực tiếp chăm sóc con từ nhỏ cho đến nay. Hiện nay chị N có công việc và thu nhập ổn định nên đủ khả năng nuôi con; Theo ghi nhận nguyện vọng của con thể hiện con muốn được chung sống với mẹ vì mẹ chăm sóc tốt hơn cha. Vì vậy, việc chị Nguyễn Thị Thùy N yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi thành niên là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận chị N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy N đối với anh Vũ Đức T;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Vũ Đức T chấm dứt; Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01/08, ngày 11/4/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 1, Quận 6, Thành phố Hồ

Chí Minh cấp cho chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Vũ Đức T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Vũ Đức Th, sinh ngày 10/01/2014 cho đến khi thành niên. Ghi nhận chị N tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Đức T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với mẹ. Anh Vũ Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp anh Vũ Đức T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị Thùy N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy N tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012795 ngày 13/12/2022 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy N đã đóng đủ tiền án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Thùy N, anh Vũ Đức T có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tú

